TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2023/DS-ST
Ngày: **19/6/2023**
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Văn Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022; về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2023/QĐXX-ST ngày 22/5/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm: 1957. Địa chỉ: 196 khu vực Đ, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà **Đặng Hồng B**; sinh năm: 1958. Địa chỉ: C9-23 Khu dân cư N, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Đoàn Thị R**; sinh năm: 1957. Địa chỉ: 196 khu vực Đ, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày*:**

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị R với bà Đặng Hồng B là chỗ bà con với nhau. Vào năm 2013, bà B cho rằng kẹt tiền nên nhờ vợ chồng ông cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân

dân T vay số tiền 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) để bà B đáo nợ vay cho Quỹ tín dụng, sau 05 tháng bà B sẽ trả lại, ông bà không có tính lãi với bà B, bà B chỉ phải đóng lãi số tiền vay cho Quỹ tín dụng. Do vợ chồng ông cần tiền nên vay thêm phần của mình là 80.000.000đ, tổng cộng ông T, bà R thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà vay số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Ông T, bà R ký nhận nợ với Quỹ tín dụng 370.000.000đ ngày 02/8/2013. Bà B viết biên nhận nợ cho vợ chồng ông T, bà R số tiền 290.000.000đ vào ngày 02/8/2013; ngoài ra, cùng ngày 02/8/2013, bà B mượn thêm của vợ chồng ông T, bà R 25.000.0000đ để bà B thanh toán hóa đơn tiền điện của Khách sạn 65 Hùng Vương; tổng cộng là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng). Bà B đóng lãi cho Quỹ tín dụng được 01 tháng trên số tiền nợ của bà B 290.000.000đ thì ngưng; còn ông T, bà R đóng lãi trên số tiền vay 80.000.000đ của vợ chồng ông T được 04 tháng.

Sau khi bà B nhận nợ vay tổng số tiền 315.000.000đ của vợ chồng ông, đến hết thời hạn 05 tháng, bà B vẫn không trả vốn cho ông đồng nào.

Do không có tiền trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ của Quỹ tín dụng nhân dân T nên Quỹ tín dụng khởi kiện đòi vợ chồng ông thanh toán nợ vay. Hiện tại Cơ quan Thi hành án đang kê biên phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất của ông đang ở hiện nay để thi hành án khoản nợ này.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền vay 315.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 02/8/2013, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng:

Bà B chỉ thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) ngày 02/8/2013, tuy nhiên, đã trả cho bà R 10.000.000đ nhưng không có làm biên nhận nên hiện tại chỉ còn nợ vợ chồng bà R, ông T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Đối với số tiền vay 290.000.000đ thì chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ không phải là chữ ký, chữ viết của bà B; đồng thời, bà B có đơn yêu cầu giám định chữ ký của bà trong biên nhận này (Bút lục số 61).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện của bà Đoàn Thị R cho rằng: bà là chị em bà con ruột với bà Đặng Hồng B. Bà có cùng ý kiến, yêu cầu như chồng bà là ông Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, còn các thủ tục khác là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án**:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Đặng Hồng B phải trả cho vợ chồng ông T, bà R số tiền vay 290.000.000đ

theo "Đơn mượn tiền ngày 02/8/2013" (Bút lục 33) và số tiền 25.000.000đ theo "Biên nhận ngày 02/8/2013" (Bút lục số 32); tổng cộng: 315.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật:* bà Đặng Hồng B có thỏa thuận vay tiền của ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị R, có thỏa thuận thời hạn trả nên đây là hợp đồng vay có thời hạn. Do quá thời hạn thỏa thuận nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay; vì vậy, nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bên vay phải thanh toán tiền vay, lãi thoả thuận (nếu có) và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ nên đây là tranh chấp dân sự về "Hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay nợ gốc còn thiếu tổng cộng là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi; Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ là nguyên đơn cung cấp, cụ thể tại: "Đơn mượn tiền ngày 02/8/2013" thể hiện nội dung bà Đặng Hồng B "***Có mượn của ông Nguyễn Văn T số tiền 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) tại Quỹ tín dụng nhân dân T Cần Thơ***" và cam kết trong thời hạn 05 tháng sẽ trả lại cho ông T tại Quỹ tín dụng nhân dân T Cần Thơ (Bút lục số 33) và số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo "Biên nhận ngày 02/8/2013" thể hiện bà B có vay của bà R số tiền 25.000.000đ (Bút lục số 32).

Bà B cho rằng bà chỉ vay của của vợ chồng ông T, bà R số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), theo "Biên nhận ngày 02/8/2013" nhưng đã trả lãi 10.000.000đ, hiện chỉ còn nợ 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); không thừa nhận biên nhận nợ số tiền 290.000.000đ, cho rằng chữ ký trong biên nhận mượn tiền này là không phải của bà và yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Xét thấy, đương sự phản đối yêu cầu của người khác thì phải thể hiện bằng văn bản và cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo hai lần cho bà Đặng Hồng B cung cấp tài liệu, mẫu chữ ký, chữ viết, nộp tiền tạm ứng giám định chữ ký nhưng bà B không thực hiện; vì vậy, lời trình bày của bà B là không có cơ sở, không được chấp nhận.

Do đó, có cơ sở xác định bà B có vay của vợ chồng ông T, bà R tổng cộng số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng) là sự T. Do bà B có vay tiền của ông T, bà R nhưng quá hạn thỏa thuận không trả nợ cho bên cho vay vì vậy vợ chồng ông T yêu cầu bà B phải trả số tiền vay 315.000.000đ là có cơ sở nên được chấp nhận, cần buộc bà B phải trả cho vợ chồng ông T, bà R số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

[2.2] Đối với việc bà B cho rằng đã trả lãi cho vợ chồng ông T, bà R 10.000.000đ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; còn vợ chồng ông T, bà R không thừa nhận việc này nên lời trình bày của bà B là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[2.3] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả; xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 12, 14, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: 315.000.000đ x 5% = 15.750.000đ. Tuy bà B là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp án phí nên không có cơ sở miễn án phí cho bà B; vì vậy, bà B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 12, 14, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Đặng Hồng B phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị R, số tiền **315.000.000đ** (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị R có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thanh toán tất nợ, bà Đặng Hồng B còn phải chịu tiền lãi chậm trả, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. **Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm**:

Bà Đặng Hồng B phải chịu **15.750.000đ** (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

3. **Về quyền kháng cáo**: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản

sao bản án được niêm yết đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. **Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự**:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang